

Không gian giữa con người và mối quan hệ qua lại giữa con người

KIM THỊNH HOA

Ảnh hưởng của môi trường sinh thái đối với sức khỏe, tâm lý và hành vi của con người đã được toàn thế giới nhận thức một cách sâu sắc. Quan niệm mới về bảo vệ môi trường, thực phẩm màu xanh từng bước đã trở thành sự tiếp nhận thường thức đối với con người. Trên bình diện vĩ mô của xã hội theo quan niệm sinh thái học xã hội thì con người không những đã tiếp thu một cách rộng rãi mà còn trở thành chỗ dựa cơ bản của các ngành khoa học như bảo vệ môi trường, xây dựng và quản lý đô thị, tâm lý học xã hội, xã hội học văn hóa và nhân chủng học văn hóa khảo sát tâm lý và hành vi của con người. Song, trên bình diện vĩ mô về đời sống bản thân mỗi con người, sự gắn bó giữa con người với những hoạt động của quần thể nhỏ, khuynh hướng thông thường của con người vẫn y nguyên ở chỗ dùng đặc trưng cá nhân để giải thích biểu hiện của tâm lý và hành vi khác nhau, chưa ý thức được tác dụng lớn lao của hoàn cảnh đặc thù. Trên thực tế, môi trường sinh thái xã hội vĩ mô do nhân tố vật lý và xã hội cấu thành đã có ảnh hưởng to lớn và mạnh mẽ có tính kịp thời đối với tâm lý và hành vi của con người, đồng thời cũng có hiệu quả sâu sắc trong tương lai lâu dài.

ở bài viết này, từ góc độ không gian giữa con người ảnh hưởng tới sự nối liền giữa con người để nói lên tính quan trọng và tính khả năng của nghiên cứu sinh thái học xã hội vĩ mô. Lấy thời gian để thúc đẩy sự chú ý của con người đối với lĩnh vực này.

1. Nhu cầu không gian giữa con người

Khoảng cách không gian được giữ gìn giữa con người với con người đã trực tiếp phản ánh mức độ tiếp nhận lẫn nhau giữa hai bên. Sự công bố về hiện tượng này là một sự cố gắng quan trọng trong nghiên cứu ngôn ngữ học nhân thể của nhà tâm lý học - Nhà tâm lý học đã phát hiện, bất kỳ người nào cũng đều cần có một không gian của mình mà bản thân nắm được xung quanh mình. Tuy không gian cho mình này sẽ tùy nhân tố như hoàn cảnh, mật độ nhân viên trong không gian của đơn vị, hoàn cảnh văn hóa và tính cách cá nhân mà có sự biến đổi - Nhưng bất luận là ai chỉ cần ở vào trạng thái tỉnh táo thì đều có thể có loại nhu cầu không gian của bản thân mình. Còn, người đó đi đến đâu thì đều sẽ mang theo không gian của bản thân mình tới đó, giống như xung quanh thân thể có một "bao khí", con người đi tới đâu thì nơi đó trở thành "bao khí" vô hình về tâm lý bảo hộ ở nơi đó. Phạm vi không gian mà "bao khí" đó bao trùm đã trở thành không gian của bản thân mỗi con người.

Không gian của bản thân mỗi con người chỉ cho phép tạo nên cảm giác an toàn về tâm lý. Về tình cảm, con người đã tiếp nhận để hưởng thụ. Về tiếp cận khoảng cách, không gian trở thành mối quan hệ tỷ lệ thuận với mức độ tiếp nhận tình cảm, không gian của bản thân có thể phân chia sự hưởng thụ với người khác cũng ngày càng nhiều hơn, tính chịu đựng và sự tiếp cận với khoảng cách không gian cũng ngày càng cao. Chỉ có những đối tượng đã tiếp nhận một cách đầy đủ về tình cảm này như giữa tình yêu của con người, giữa người thân (con cái), sự hữu ý của con người mới có thể chịu đựng thời gian tiếp xúc dài được. Nếu không có sự tiếp nhận tương ứng về tình cảm, thì

bất cứ ai xông vào một không gian của bản thân mỗi người đều sẽ bị cho rằng xâm phạm nghiêm trọng, khiến cho con người cảm thấy được áp lực rất lớn trong tâm lý, đồng thời, sự lo nghĩ cũng sẽ được thể nghiệm. Loại thể nghiệm này sẽ buộc con người điều chỉnh khoảng cách không gian của mình với người khác, mãi tới khi có lại không gian của bản thân hoàn chỉnh là dừng. Nếu chúng ta lưu tâm tới những đôi bạn yêu nhau... trong công viên thì sẽ phát hiện thấy sự yên lặng của họ trong công viên dường như là chờ sự phân bổ khoảng cách. Mỗi đôi đều lựa chọn một cách có ý thức giữ vị trí khoảng cách hợp lý với người khác. ở vị trí này thì họ có thể tạo lập ra “bao khì” của mình một không gian của bản thân 1 cách có hiệu quả, đồng thời có được tính an toàn về tâm lý trong đó. Nhân tố quan trọng nhất đã ảnh hưởng nhiều, ít tới không gian của bản thân con người là mật độ nhân viên trong không gian của đơn vị. Trên xe ô tô công cộng đông người, không gian của bản thân mỗi người rất nhỏ, hai phía không thể không thông qua sự trốn tránh ánh mắt của người khác để biểu thị khoảng cách với người khác (M. Argyle and J. Dean, 1965).

Nếu không phải là hiểu biết lẫn nhau thì con người không thể chịu đựng lẫn nhau mà ngồi rất sát vào nhau, N. F. Russo, một nhà tâm lý học đã làm một cuộc thử nghiệm: ở một phòng thư viện lớn vừa mới mở cửa, độc giả thứ nhất vừa bước vào ngồi xuống, thì nhân viên nghiên cứu đi vào lấy ghế ngồi ở bên cạnh anh ta (hoặc chị ta). Cuộc thử nghiệm đã tiến hành tới 80 lượt người. Kết quả cho thấy: so sánh với tình hình một người chưa bị sự xâm phạm của người lạ mà đơn độc, sự xâm phạm của người khác đối với không gian của bản thân mỗi con người rõ ràng đã rút ngắn thời gian mà con người xa cách. Nghiên cứu đã chứng minh rằng, mật độ nhân viên trong không gian của đơn vị rất thấp. Trong tình hình có thể chọn lựa vị trí không gian của mình, con người hướng về không gian của bản thân tương đối lớn cần phải giữ khoảng cách nhất định với con người, nếu không thì cảm thấy người khác đã xâm phạm vào không gian của bản thân mình, về tâm lý sẽ nảy sinh tình cảm không phù hợp mãnh liệt. Và càng với mật độ nhân viên trong không gian đơn vị tăng lớn, càng nhiều không gian bị người khác chiếm cứ, thì không gian của bản thân mỗi con người cũng sẽ thu nhỏ lại tương ứng. Lúc đó thì con người ngồi gần nhau, cũng không thể tạo thành sự xâm phạm đối với không gian của bản thân người khác.

2. Khoảng cách và sự nối liền giữa con người.

E. T. Hall (1959), nhà nhân chủng học, trong cuốn sách “*Ngôn ngữ không tiếng*”, tác phẩm kinh điển này đã phân chia khoảng cách không gian giữa con người với con người trong cuộc sống hàng ngày thành 4 loại, đó là: khoảng cách thân mật, khoảng cách cá nhân, khoảng cách xã giao và khoảng cách công cộng. Mỗi một loại khoảng cách lại có sự phân chia phạm vi gần và phạm vi xa.

Phạm vi gần của *khoảng cách thân mật* (Inti-mate-distance) chính là sự tiếp cận đầy đủ hoặc sự tiếp xúc trực tiếp của thân thể - trong khoảng cách này, con người có thể cảm thụ lẫn nhau về nhiệt tình và tính cách của đối phương, thị giác có thể có sự biến hình nhất định - khi con người tiến hành nối liền trong khoảng cách đó thì đưa nhiều cảm giác đụng chạm - còn thị giác, thính giác thì rút vào vị trí thứ yếu - trong tình hình bình thường con người chỉ cho phép bạn tình hoặc con cái bước vào phạm vi này. Trên thực tế, khoảng cách này cũng chính là khoảng cách thích hợp của con người ôm ấp, yêu thương vỗ về hoặc sự tiếp xúc về giới lẫn nhau.

Phạm vi xa của khoảng cách thân mật là 6-18 thước Anh. Đây là khoảng cách thỏa đáng trong sự tiếp xúc về cánh tay lẫn nhau, không thể tiếp xúc toàn thân. Trong tình hình chung, việc sử dụng khoảng cách thân mật đều giới hạn ở hoàn cảnh cá nhân, có điều ở một số quốc gia, con người cũng có tập tục tiếp xúc thân mật trong trường hợp ở nơi công cộng như ôm, hôn v.v... khoảng cách thân mật chỉ giới hạn bởi việc sử dụng trong mối quan hệ tình cảm giữa những người

gần gũi, thân mật. Như chúng ta đã nêu ở trên, nếu hoàn cảnh buộc người ta phải can dự vào khoảng cách thân mật của người khác trong tình trạng nhận thức không giống nhau thì con người sẽ thông qua việc tránh tầm nhìn hoặc tiếp xúc một cách bị động để thể hiện khoảng cách về tâm lý giữa hai bên. Chỉ có trong tình trạng khoảng cách không gian giữa con người có thể chọn lựa thì khoảng cách vật lý giữa người với người mới đối ứng được với tâm lý hoặc khoảng cách tình cảm giữa hai bên.

Khoảng cách cá nhân (Personal distance) là khoảng cách thích ứng nối liền giữa bạn bè. Phạm vi gần của khoảng cách cá nhân là 1,5-2,5 thước Anh. Đó là khoảng cách có thể cắt đứt mối giao lưu nồng nhiệt và tính cách thích đáng giữa những người thân, đồng thời lại có thể nắm tay nhau và giữ được khoảng cách nối liền thị giác bình thường trong tình trạng mà khoảng cách không gian có thể chọn lựa, thì người lạ tiến vào khoảng cách này sẽ tạo nên sự xâm phạm đối với người khác. Có một số người, trong tình trạng không hiểu người khác, nên bước vào khoảng cách này nói chuyện với người khác, thường thường là rút về phía trong (sau) nói chuyện với người khác. Phạm vi xa của khoảng cách cá nhân là 2,5-4 thước Anh. Đây là khoảng cách giới hạn ở giữa mà một cơ thể thông thường chạm phải, người quen hoặc người lạ đều có thể dính vào phạm vi này. Có điều, trong tình trạng thông thường này, khoảng cách giữ gìn khi nối liền giữa người quen tương đối hài hòa thì càng sát khoảng cách phạm vi gần (2,5 thước Anh) và cuộc nói chuyện với người lạ thì lại càng sát với khoảng cách xa của phạm vi xa (4 thước Anh).

Khoảng cách duy nhất trong việc nối liền chuyển thành *khoảng cách xã giao* (Social distance), có ý nghĩa nối liền không mang sắc thái về mối liên hệ tình cảm của bất kỳ cá nhân nào. Khoảng cách thân mật và khoảng cách cá nhân nhìn chung là sử dụng trong hoàn cảnh xã giao không chính thức - Và khoảng cách xã giao thì dùng vào trường hợp xã giao chính thức. Phạm vi gần của khoảng cách xã giao là 4-7 thước Anh. Hoạt động xã giao chính thức thông thường: những cuộc hội đàm ngoại giao thì người ta đều giữ khoảng cách ở mức độ này. Phạm vi gần của khoảng cách xã giao là 7-13 thước Anh. Đây là khoảng cách giữa con người thích hợp trong việc sử dụng vào những sự việc càng nghiêm túc, càng chính thức với hoàn cảnh xã giao. Tiến hành nối liền trong phạm vi khoảng cách này thì con người cần nâng cao âm lượng khi nói chuyện, cần phải tiếp xúc với anh mắt nhiều hơn. Sự biến đổi này sẽ trực tiếp tăng thêm bầu không khí chính thức. Trong phạm vi khoảng cách này, nếu người nói chuyện không được sự ủng hộ của đối phương qua ánh mắt, anh ta (hoặc chị ta) sẽ có sự cảm nhận là bị coi thường, bị cự tuyệt một cách mạnh mẽ. Những giám đốc Công ty thường dùng bàn làm việc lớn và rộng, đồng thời chỗ ngồi của người đến thăm đặt ở cách chỗ bàn 1 khoảng để thực hiện được khoảng cách này. Người quản lý hành chính sẽ truyền đạt những chỉ thị xuống cấp dưới, lãnh đạo đơn vị đón tiếp người đến thăm, giám đốc Công ty ra lệnh cho thư ký luôn luôn sử dụng khoảng cách này.

Khoảng cách công cộng là khoảng cách được giữ giữa người nói chuyện với những người nghe khi nói chuyện công khai. Phạm vi gần là 12-15 thước Anh, phạm vi xa là 25 thước Anh trở lên. Trong phạm vi khoảng cách công cộng người ta đã không thể dùng ngữ điệu bình thường để nói chuyện có tính chất cá nhân được. Sự tăng lớn về khoảng cách cũng làm cho tính chính xác về thông tin thị giác giảm xuống. Bởi vậy, khoảng cách này không thích hợp với việc nối liền giữa con người với nhau mà chỉ thích hợp với việc nói chuyện. Trong đời sống hàng ngày, rất nhiều hoàn cảnh sơ suất do dự tính đều không nghĩ tới nhu cầu không gian của con người, khiến cho con người không thể xây dựng lên hoặc giữ gìn được không gian của cá nhân bản thân, áp lực về tâm lý sẽ tăng lên nhiều.

3. Vị trí và sự nối liền không gian cá nhân.

Mối quan hệ vị trí không gian giữa con người với con người sẽ trực tiếp ảnh hưởng tới quá trình cầu nối giữa cá nhân. Điểm này không chỉ là những thuyết minh mà sự thật được quan sát trong đời sống, những thực nghiệm về tâm lý học xã hội nghiêm túc đã chứng minh điểm này. Một nghiên cứu của R. Somene (1967) đã chứng minh rằng việc tham dự của học sinh vào thảo luận ở lớp đã trực tiếp chịu ảnh hưởng trong vị trí chỗ ngồi của của học sinh. Trên khuynh hướng lấy bục giảng của giáo viên làm trung tâm thì chỗ ngồi càng ở vị trí trung tâm, thì khoảng cách sẽ càng rộng, tỷ lệ học sinh tham dự vào việc thảo luận ở lớp sẽ càng lớn.

Những nghiên cứu mới nhất đã phát hiện rằng, tùy theo khoảng cách giữ gìn trong quá trình nối liền khác nhau thì sự nối liền cũng có thể có bối cảnh không khí khác nhau. Tiến hành nối liền trong khoảng cách tương đối gần dễ tạo thành bầu không khí dung hoà, hợp tác. Đồng thời, khoảng cách nối liền tương đối lớn thì dễ tạo nên bầu không khí đối địch và công kích lẫn nhau. Trước đây không lâu, một đơn vị hữu quan đã tiến hành một cuộc hội thảo, những người trong hội thảo đều là những phần tử trí thức có danh tiếng phong độ và cao nhã. Nhưng, hội thảo lại không tiến hành thảo luận nữa mà lại trở thành một việc không chịu đựng lẫn nhau được, họ công kích và bài xích lẫn nhau. Hoá ra, tính hợp lý trong việc bố trí hội trường của hội nghị khiến cho người dự hội thảo không thể thảo luận, trao đổi về một quan điểm nào đó với khoảng cách gần được, mà làm cho những người dự hội thảo phải hướng về một khoảng cách xa vài mét. Người phát biểu buộc phải bỏ qua những câu phát biểu với đối phương trong khoảng cách khá xa. Về mặt tâm lý, người ta đã thể hiện khá rõ rệt những ý khác nhau về quan điểm của họ, quan điểm của tôi, quan điểm của chúng ta. Đồng thời còn cao giọng nhấn mạnh để bảo vệ quan điểm của mình. Cũng tương tự như vậy, họ đưa ra những ý kiến bất đồng của mình cho đối phương. Những lời trình bày cao giọng nghe ra là rõ ràng, là khiêu chiến. Không khí cuộc hội thảo đã nhanh chóng trở nên việc tự bảo vệ cho mình và phản bác kịch liệt. Từ lâu, người ta đã quên mất mục đích của mọi người là sự cộng đồng, không phân biệt phía anh, phía tôi. Mọi người đều thuộc về một phía chung, mọi người nên hợp tác, hoà hợp với nhau; phân tích, đánh giá, phát hiện những chỗ không hợp lý và tính hợp lý của mỗi loại quan điểm. Có thể suy đoán rằng, nếu hội trường thảo luận có cách bố trí khiến người ta có thể nối liền khoảng cách gần một cách nhanh chóng và đầy đủ, thì không khí của hội thảo có thể hoàn toàn sẽ là một kiểu khác.

Sự khác nhau về vị trí không gian nối liền còn trực tiếp đưa tới người nối liền có sức ảnh hưởng khác nhau. S.E.Taylor & S.T.Fiski, (1975) nhà tâm lý học đã phát hiện ra tác dụng của vị trí khác nhau trong điều kiện nối liền là không giống nhau. Sức ảnh hưởng của một số vị trí đối với việc nối liền tương đối lớn, có một số vị trí thì sức ảnh hưởng lại tương đối nhỏ. Nhưng những người mà nơi ở có vị trí không gian có lợi thì sẽ chiếm được sức ảnh hưởng đặc biệt đối với người khác. Chúng ta đều có thể thấy được rằng, cùng một loại phát biểu, tác dụng của việc đứng trên bục giảng bài và việc tùy tiện đứng dưới bục giảng bài là khác nhau. Bản thân bục giảng cao đã mang một tính chất quyền uy nào đó. Vua thời phong kiến không chỉ thân ngự ở trên ngai vàng chúng thần cúi xem, mà còn bắt thần tử quỳ xem. Sự trái ngược một cao một thấp sẽ tự nhiên tạo nên một sự áp bức đối với con người về tâm lý, khiến cho họ càng thêm khiếp sợ quyền uy của nhà vua hơn. Thực ra, trong cuộc sống hàng ngày, khi chúng ta ngồi và người khác đứng nói chuyện với chúng ta thì chúng ta cũng sẽ cảm thấy một loại áp lực. Rõ ràng là, trong tình trạng xã giao chính thức, áp lực nối liền của vị trí không gian ưu thế đã tạo ra còn lớn hơn rất nhiều so với tình trạng không chính thức.

Trong đời sống hiện thực, vị trí không gian của một con người trong trường hợp xã hội đặc biệt còn trực tiếp có liên quan với bản thân và địa vị xã hội đó, đồng thời còn có ảnh hưởng sâu sắc đối với quan hệ của con người. Người lãnh đạo, trưởng họ, những nhân vật quan trọng sẽ tự nhiên được ở vào những vị trí quan trọng trong môi trường xã giao, trong ánh mắt và tư thế của người khác, vị trí này sẽ trở thành trung tâm chú ý trong hoàn cảnh đặc biệt. Hoàn cảnh xã giao càng chính thức thì vị trí không gian của cá thể cũng sẽ ngày càng nghiêm ngặt. Quốc yến lớn tuy bề ngoài to tát, nhưng rất dễ nhận rõ một số người nào là nhân vật quan trọng từ vị trí không gian của chiếu tiệc. Đoàn chủ tịch của đại hội quan trọng rất đông người, nhưng mỗi người đều được sắp xếp trong vị trí đặc biệt tương ứng với địa vị xã hội của họ, đều có thứ tự trước sau một cách nghiêm ngặt. Thông qua những thông tin về vị trí không gian này, chúng ta có thể tìm hiểu một cách rất tốt về địa vị xã hội thực tế của mỗi người. Trường hợp xã giao hàng ngày, thậm chí ở gia đình cũng có sự phân phối vị trí không gian tương ứng như vậy. Một đơn vị khai mạc hội nghị, bất luận là người lãnh đạo, nhân vật quan trọng trên danh nghĩa hay không thì cũng đều có vị trí đặc biệt của mình. Những vị trí đó rất ít bị người khác xâm phạm.

Bất luận thế nào chăng nữa, vấn đề không gian giữa con người có mối liên quan về hành vi quan hệ qua lại của những người có liên quan trực tiếp chỉ là một tiêu điểm trong rất nhiều vấn đề của sinh thái học xã hội vi mô, những vấn đề như: điểm giới hạn của hai cái là nền kinh tế và sự thoải mái của việc thiết kế nhà ở, nên bày biện đồ đạc như thế nào trong phòng họp, bố trí quét vôi phòng và trang trí, chiếu sáng như thế nào có lợi cho sự vui vẻ về tinh thần. Suy nghĩ một cách kinh tế nhất để thiết kế nhà ở như thế nào trong không gian nối liền với hàng xóm. Đồng thời những vị trí không gian như lớp học, phòng làm việc, bệnh viện, nhà khách,... và những nơi vui chơi giải trí khác. Những thiết kế về cấu tạo và bày biện cho tới bàn nói chuyện và trao đổi nên thiết kế như thế nào để có lợi cho việc thúc đẩy hợp tác. Cấu tạo và màu sắc của bàn học như thế nào để có thể giúp trẻ tập trung sự chú ý v.v... tất cả vẫn chưa được nghiên cứu tốt. Về những vấn đề này, tuyệt đại đa số mọi người vẫn chỉ có thể căn cứ vào những kinh nghiệm để phán đoán một cách giản đơn, thì sinh thái học xã hội vi mô có thể phát huy tác dụng đặc thù của nó trên những lĩnh vực này. Đồng thời điều này cũng nói lên, sinh thái học xã hội vi mô sẽ có triển vọng rất to lớn và có lý luận và giá trị thực dụng rộng rãi của nó.

Nguồn: Tạp chí *Nghiên cứu Xã hội học*.
Số 1/1997. Tiếng Trung
Người dịch: NGUYỄN AN TÂM